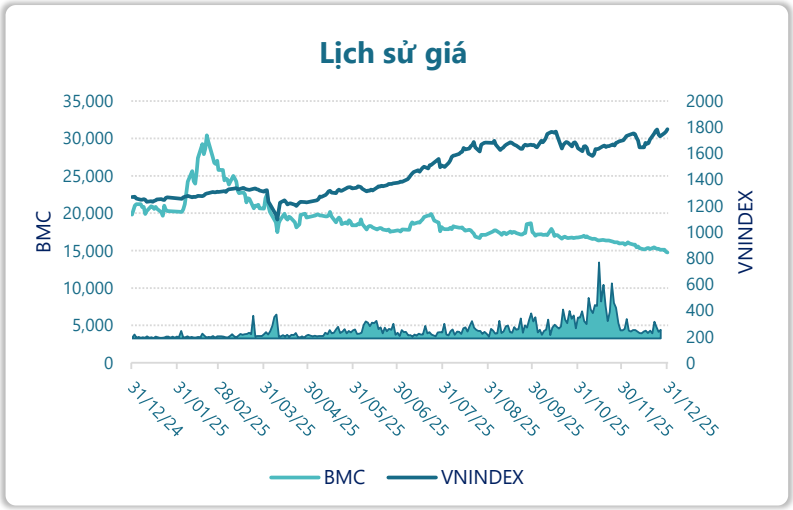
FireAnt

CTCP Khoáng sản Bình Định (HSX: BMC)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**14,750**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	30,413
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	14,750
SL cổ phiếu LH	12,392,630
KLGD BQ 20 phiên (CP)	20,440
% sở hữu nước ngoài	4.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	183
P/E	17.2
EPS	857

DT thuần

Q4/25

29.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▼9.90| -25.0%

YoY: ▼30.6| -50.7%

LN sau thuế

Q4/25

2.58

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.68| -39.4%

YoY: ▼5.33| -67.3%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

12.2%

+/- YoY: ▼ 4.2%

DT thuần

2025

108

tỷ VNĐ

YoY: ▼87.0| -44.6%

LN sau thuế

2025

10.6

tỷ VNĐ

YoY: ▼14.9| -58.4%

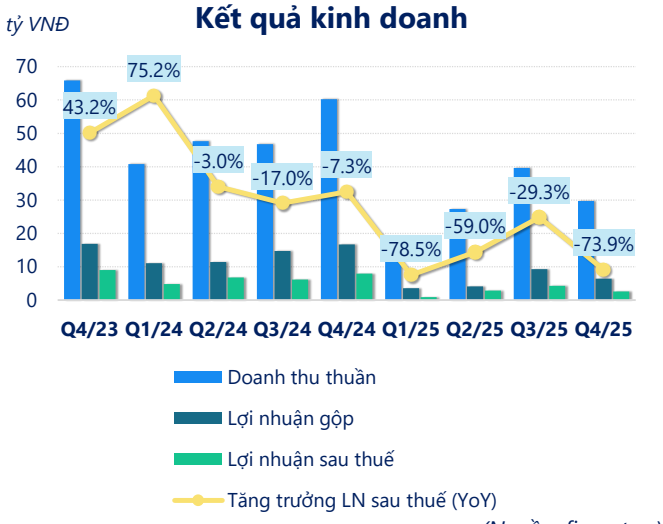
ROE

2025

4.6%

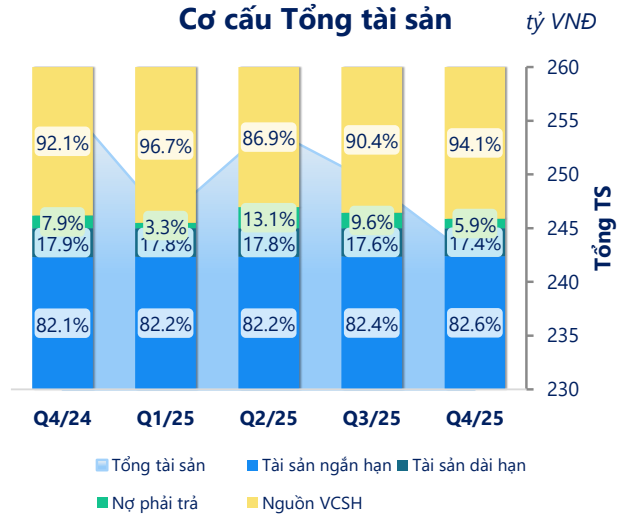
+/- YoY: ▼ 6.4%

Kết quả kinh doanh



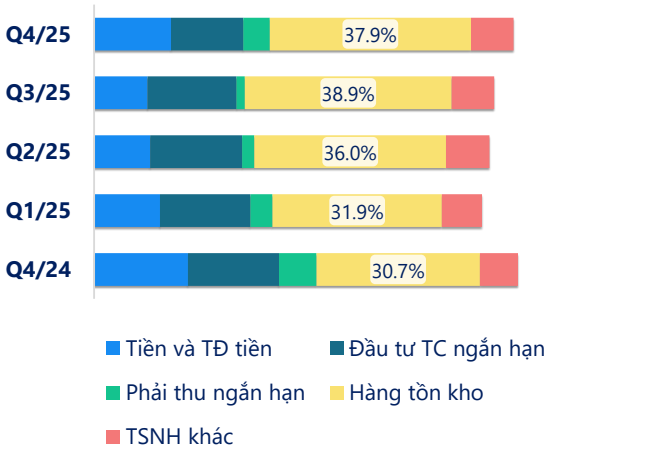
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



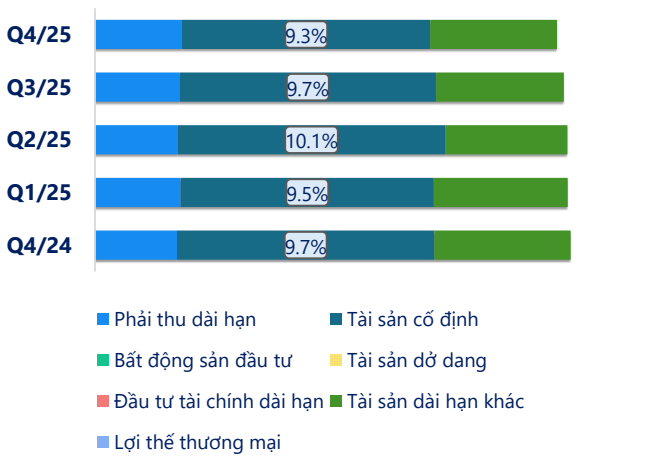
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



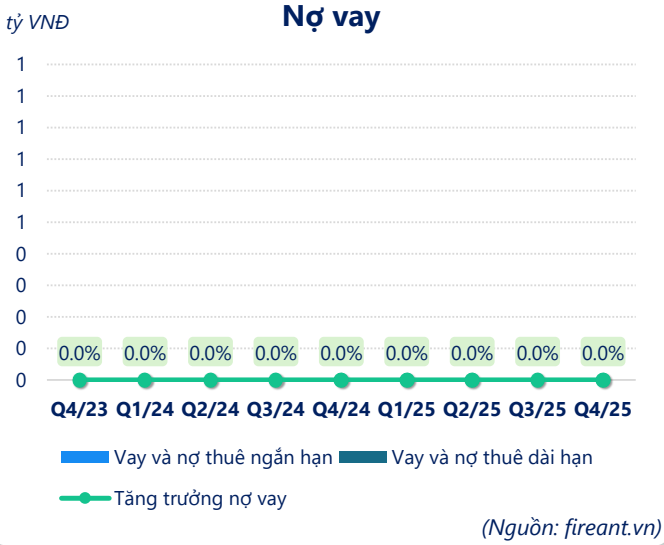
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



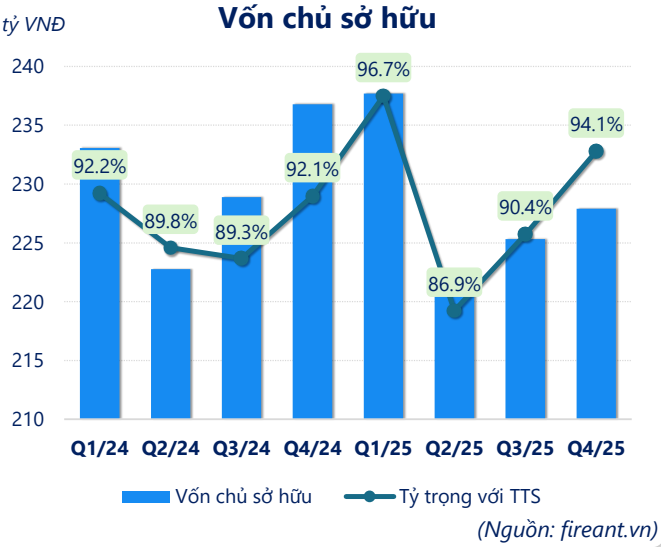
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



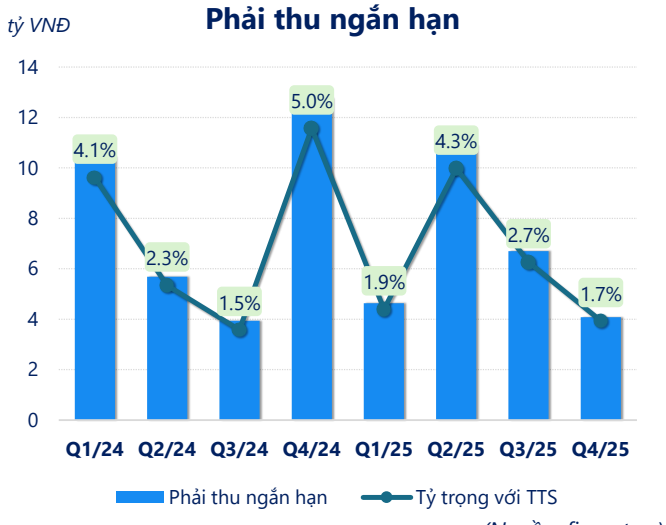
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



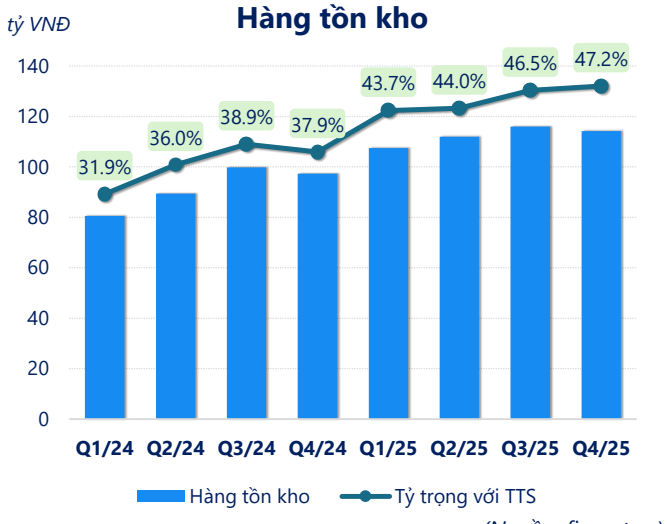
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



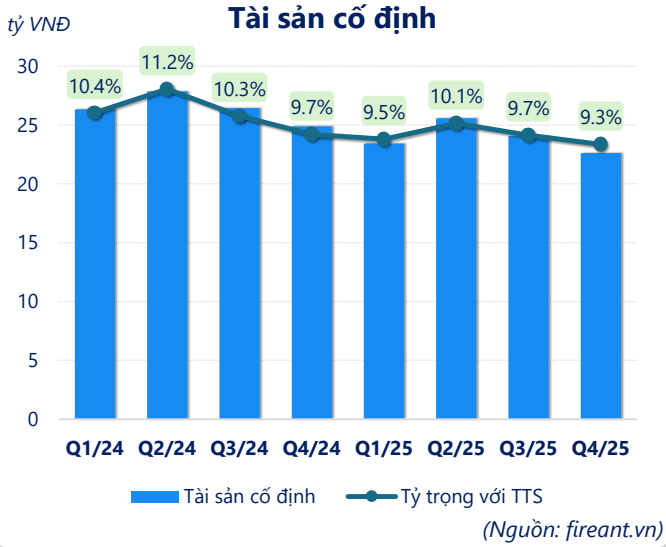
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



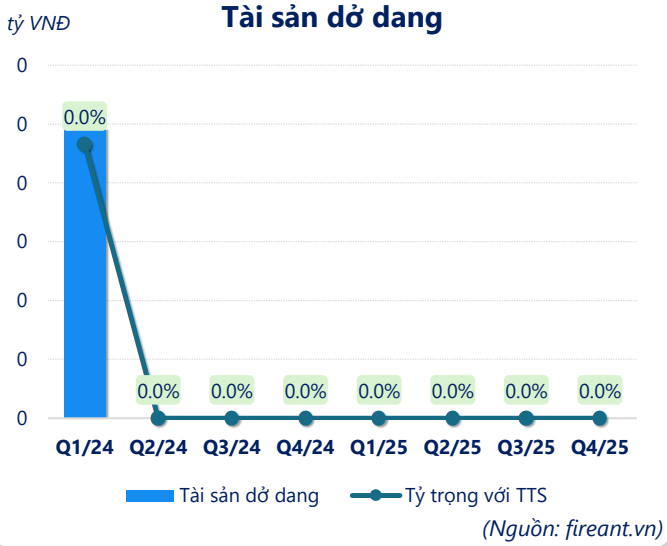
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



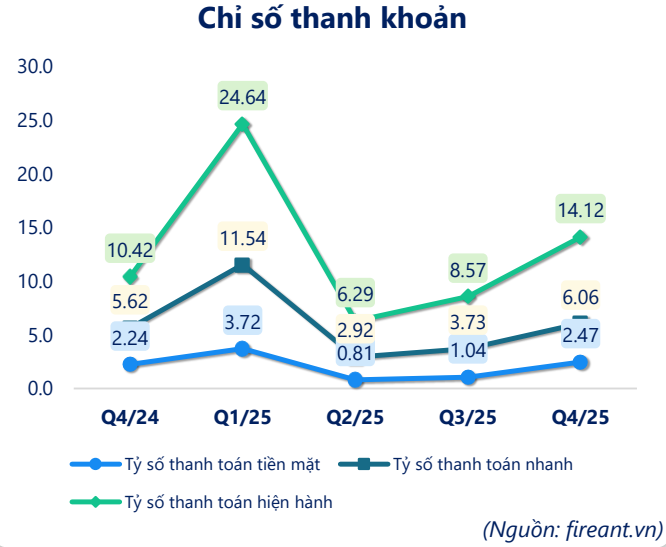
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



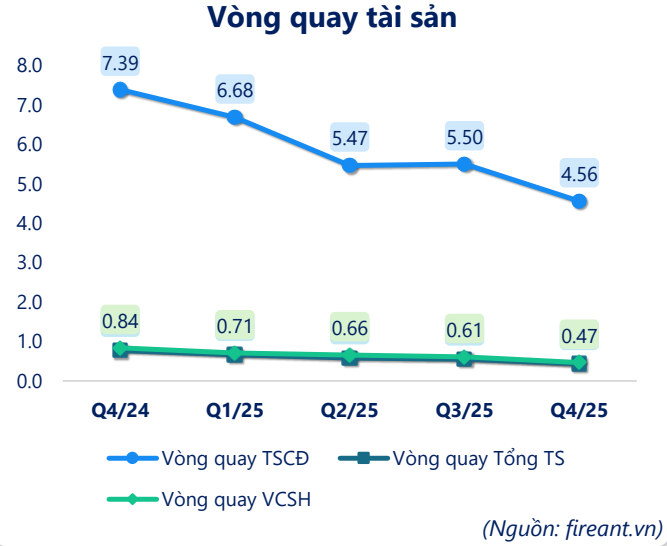
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**257**	**246**	**254**	**249**	**242**
Tài sản ngắn hạn	**211**	**202**	**209**	**205**	**200**
Tiền và tương đương tiền	45.4	30.5	26.8	25.0	35.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	35.0	35.0	35.0	35.0	25.0
Phải thu ngắn hạn	12.7	4.63	10.9	6.69	4.08
Hàng tồn kho	97.3	107	112	116	114
Tài sản ngắn hạn khác	20.6	24.6	24.5	22.6	21.8
Tài sản dài hạn	**46.0**	**43.7**	**45.2**	**44.0**	**42.1**
Phải thu dài hạn	7.93	7.93	7.93	7.93	7.93
Tài sản cố định	24.9	23.4	25.6	24.1	22.6
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	13.2	12.4	11.7	12.0	11.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**20.2**	**8.21**	**33.2**	**24.0**	**14.2**
Nợ ngắn hạn	**20.2**	**8.21**	**33.2**	**24.0**	**14.2**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	0.83	0.11	0.33	5.72	0
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**237**	**238**	**221**	**225**	**228**
Vốn chủ sở hữu	**237**	**238**	**221**	**225**	**228**
Vốn điều lệ	124	124	124	124	124
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)